



Trân trọng chào đón !

Chương Trình Quản Trị Doanh nghiệp
Lớp học: ngày thứ 7 + Chủ nhật
Trường: Đại học Điện lực



Trân trọng chào đón!

Thuyết trình:
Đỗ Thiên Trà
dothientra@gmail.com
0903353735





CHƯƠNG 7

QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP

Giảng viên: ThS Đỗ Thiên Trà



CHƯƠNG 7

QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP

I. Khái niệm và phân loại vốn trong doanh nghiệp:

1. Khái niệm:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



2. Phân loại vốn trong kinh doanh:

- Vốn cố định

- Vốn lưu động

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



II. Quản trị vốn cố định:

1. Khái niệm:

Có giá trị lớn từ 10 triệu trở lên và có thời gian sử dụng trên 1 năm

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



2. Phân loại tài sản cố định:

2.1. Dựa vào hình thái của tài sản cố định :

- Tài sản cố định hữu hình
- Tài sản cố định vô hình

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



2.2. Dựa vào mục đích sử dụng của tài sản cố định:

2.3. Dựa vào hình thức sở hữu của tài sản cố định

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



2.4. Dựa vào nguồn vốn hình thành:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



3. Khái niệm hao mòn và khấu hao tài sản cố định

3.1. Hao mòn và khấu hao tài sản:

- Hao mòn hữu hình:
- Hao mòn vô hình:

3.2. Khấu hao tài sản cố định:

CHƯƠNG 7
QUẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



4. Các phương pháp khấu hao tài sản cố định:

4.1. Xác định nguyên giá của tài sản cố định:

$$G_n = \text{NBG} - D + C_1$$

Trong đó:

- NBG: Giá mua ghi trên hóa đơn
- D: Chiết khấu khi mua tài sản cố định.
- C1: Chi phí vận chuyển lắp đặt và chạy thử lần đầu

CHƯƠNG 7
QUẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



4.2. Các phương pháp khấu hao tài sản cố định:

a. Phương pháp khấu hao đường thẳng:

Mức khấu hao hàng năm (Mkh)	=	Gn
		Tsd

Trong đó:

- Mkh: Mức khấu hao hàng năm
- Gn: Nguyên giá tài sản cố định
- Tsd: Thời gian sử dụng của tài sản cố định

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Ví dụ: một tài sản cố định nguyên giá là 150.000.000đ, thời gian sử dụng là 10 năm. Hãy tính mức khấu hao hàng năm.

Giải

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



b. Phương pháp khấu hao gia tốc

Các bước thực hiện:

- Phân chia TSCĐ thành các nhóm có thời gian khấu hao khác nhau. 3 năm; 5 năm; 7 năm; 10 năm; 15 năm
- Xác định tỷ lệ khấu hao và mức khấu hao tài sản cố định cho từng năm

CHƯƠNG 7
QUẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



- Tính tổng số thứ tự của các năm tính khấu hao:

$1+2+3+ \dots + n$	=	$\frac{n(n+1)}{2}$
--------------------	---	--------------------

- Tính mức khấu hao cho từng năm theo công thức tổng quát:



Mức khấu hao ở năm 1	=	Nguyên giá tài sản cố định	x	$\frac{n}{(1+2+\dots+n)}$
----------------------	---	----------------------------	---	---------------------------

Mức khấu hao ở năm 2	=	Nguyên giá tài sản cố định	x	$\frac{n-1}{(1+2+\dots+n)}$
----------------------	---	----------------------------	---	-----------------------------

Mức khấu hao ở năm n	=	Nguyên giá tài sản cố định	x	$\frac{1}{(1+2+\dots+n)}$
----------------------	---	----------------------------	---	---------------------------

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Ví dụ: Một tài sản cố định có nguyên giá là 150.000.000 đồng, thời gian sử dụng là 10 năm. Hãy tính mức khấu hao hàng năm của tài sản theo phương pháp gia tốc.

Bài giải

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



- Bước 1: Tính tổng số thứ tự của các năm tính khấu hao:
- Bước 2: Tính mức khấu hao tài sản cố định cho từng năm

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Mức khấu hao ở năm 1:
Mức khấu hao ở năm 2:
Mức khấu hao ở năm 3:
Mức khấu hao ở năm 4:
Mức khấu hao ở năm 5:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Mức khấu hao ở năm 6:
Mức khấu hao ở năm 7:
Mức khấu hao ở năm 8:
Mức khấu hao ở năm 9:
Mức khấu hao ở năm 10:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



c. Phương pháp khấu hao số dư giảm dần:

Khấu hao số dư giảm dần là phương pháp khấu hao mà mức khấu hao được tính bằng 20% giá trị còn lại của tài sản cố định tại năm khấu hao

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Mức khấu hao ở năm n	=	Giá trị còn lại của tài sản cố định ở năm thứ n	x	Tỷ lệ khấu hao
----------------------	---	---	---	----------------

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao = (tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng) x 2

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Ví dụ: Một tài sản cố định có nguyên giá là 150.000.000 đồng, thời gian sử dụng là 10 năm, tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 10%, Hãy tính mức khấu hao hàng năm của tài sản theo phương pháp số dư giảm dần.

Bài giải

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Mức khấu hao ở năm 1:
Mức khấu hao ở năm 2:
Mức khấu hao ở năm 3:
Mức khấu hao ở năm 4:
Mức khấu hao ở năm 5:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



Mức khấu hao ở năm 6:
Mức khấu hao ở năm 7:
Mức khấu hao ở năm 8:
Mức khấu hao ở năm 9:
Mức khấu hao ở năm 10:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



5. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản cố định:

5.1. Hiệu quả sử dụng tài sản cố định:

Hiệu quả sử dụng tài sản cố định =	Doanh thu thuần
	Tài sản cố định

CHƯƠNG 7
QUẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



5.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản cố định:

Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản cố định	=	Lợi nhuận ròng	x	100
		Tài sản cố định		

CHƯƠNG 7
QUẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



5.3. Hàm lượng tài sản cố định:

Hàm lượng tài sản cố định =	Tài sản cố định
	Doanh thu thuần

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



6. Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



III. Quản trị vốn lưu động:

1. Khái niệm:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



2. Phân loại tài sản lưu động:

2.1. Dựa vào hình thái tài sản lưu động

2.2. Dựa vào nguồn hình thành

- Tài sản lưu động từ nguồn vốn sở hữu
- Tài sản lưu động từ nguồn vốn vay:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



3. Xác định nhu cầu vốn lưu động

3.1. Vai trò của công tác xác định nhu cầu vốn lưu động

3.2. Các nguyên tắc xác định nhu cầu vốn lưu động

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



3.3. Phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động theo phần trăm doanh thu:

Ta thực hiện theo các bước sau:

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



- b1: Tính tỷ lệ phần trăm các khoản mục trên bảng tổng kết tài sản theo doanh thu ở năm hiện tại:
- + Các khoản mục tài sản phải có quan hệ trực tiếp với doanh thu. Vì vậy, chia các khoản mục của phần tài sản trên bảng tổng kết cho doanh thu, xác định tỷ lệ phần trăm của các khoản mục này theo doanh thu.
- + Chia các khoản mục của phần nguồn vốn có quan hệ với doanh thu cho doanh thu, xác định tỷ lệ phần trăm của các khoản mục này theo doanh thu. Vì một số khoản mục của nguồn vốn có trực tiếp liên quan với doanh thu.

- b2: Dự báo doanh số năm kế tiếp và xác định bảng tổng kết tài sản tạm thời cho năm kế tiếp:
- + Để dự báo doanh số năm kế tiếp doanh nghiệp sử dụng các phương pháp dự báo trong chương dự báo.
- + Xác định bảng tổng kết bảng tài sản tạm thời cho năm kế tiếp bằng cách nhân doanh thu dự báo ở năm kế tiếp với tỉ lệ phần trăm theo doanh thu của các khoản mục trên bảng tổng kết tài sản năm trước.
- + Cộng vào khoản mục lợi nhuận giữ lại phần lợi nhuận được giữ lại ở năm kế tiếp. Trong đó, lợi nhuận giữ lại ở năm kế tiếp bằng lợi nhuận ròng ở năm kế tiếp nhân với tỷ lệ lợi nhuận giữ lại.

CHƯƠNG 7

QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



B3: Xác định các nguồn vốn vay và xác định bảng tổng kết tài sản cho năm kế tiếp

Xác định lượng vốn vay từ nguồn vốn vay ngắn hạn
= Mức tăng của tài sản lưu động so với năm trước – Mức tăng các khoản phải trả.

Xác định lượng vốn vay từ nguồn vốn vay dài hạn =
Lượng vốn vay bổ sung từ bên ngoài- Lượng vốn vay từ nguồn vốn vay ngắn hạn.

Đvt : tỷ đồng

Tài sản	Giá trị	Nguồn vốn	Giá trị
Tài sản lưu động	120	Các khoản nợ	120
- Tiền mặt	16	- Các khoản phải trả	30
- Các khoản phải thu	44	- Vay ngắn hạn	10
- Tồn kho	60	- Vay dài hạn	80
Tài sản cố định	180	Vốn chủ ở hữu	180
- Tài sản cố định ròng	180	- Cổ phần thường	80
		- Lợi nhuận giữ lại	100
Tổng tài sản	300	Tổng nguồn vốn	300

CHƯƠNG 7

QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP

Xác định nhu cầu vốn lưu động bằng phương pháp phần trăm theo doanh thu:

- a. Tính tỷ lệ phần trăm theo doanh thu
- b. Nếu dự báo doanh thu của công ty ABC năm 2003 là 125 tỷ đồng, lập bảng tổng kết tài sản tạm thời của công ty năm 2003.
- c. Xác định nguồn vốn vay và lập bảng tổng kết tài sản cho năm 2003.

Bài làm

Bước 1: Tính tỷ lệ phần trăm các khoản mục trên bảng tổng kết tài sản theo doanh thu ở năm hiện tại:



Tài sản	Giá trị	Tỷ lệ so với doanh thu (%)	Nguồn vốn	Giá trị	Tỷ lệ so với doanh thu (%)
Tài sản lưu động	120		Các khoản nợ	120	
- Tiền mặt	16		- Các khoản phải trả	30	
- Các khoản phải thu	44		- Vay ngắn hạn	10	
- Tồn kho	60		- Vay dài hạn	80	
Tài sản cố định	180		Vốn chủ ở hữu	180	
- Tài sản cố định ròng	180		- Cổ phần thường	80	
			- Lợi nhuận giữ lại	100	
Tổng tài sản	300		Tổng nguồn vốn	300	

Bước 2: Bảng tổng kết tài sản tạm thời cho năm kế tiếp (dự báo doanh số là: 125 tỷ)



Tài sản	Giá trị	Chênh lệch so với năm trước	Nguồn vốn	Giá trị	Chênh lệch so với năm trước
Tài sản lưu động			Các khoản nợ		
- Tiền mặt			- Các khoản phải trả		
- Các khoản phải thu			- Vay ngắn hạn		
- Tồn kho			- Vay dài hạn		
Tài sản cố định			Vốn chủ ở hữu		
- Tài sản cố định ròng			- Cổ phần thường		
			- Lợi nhuận giữ lại		
Tổng tài sản			Tổng nguồn vốn		
			Lượng vốn vay bổ sung		

Bước 3: Xác định các nguồn vốn vay và xác định bảng tổng kết tài sản cho năm kế tiếp



Đvt: tỷ đồng

Tài sản	Giá trị	Chênh lệch so với năm trước	Nguồn vốn	Giá trị	Chênh lệch so với năm trước
Tài sản lưu động - Tiền mặt - Các khoản phải thu - Tồn kho Tài sản cố định - Tài sản cố định ròng			Các khoản nợ - Các khoản phải trả - Vay ngắn hạn - Vay dài hạn Vốn chủ sở hữu - Cổ phần thường - Lợi nhuận giữ lại		
Tổng tài sản			Tổng nguồn vốn		

CHƯƠNG 7 QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



4. Các nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu vốn lưu động:

4.1. Nguồn vốn nội bộ doanh nghiệp:

- Nguồn vốn từ lợi nhuận
- Các nguồn vốn khác bên trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



4.2. Nguồn vốn bên ngoài:

- Nguồn vốn huy động bằng phát hành cổ phiếu
- Nguồn vốn huy động bằng tín dụng

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



5. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động:

5.1. Số vòng quay của vốn lưu động

Số vòng quay của vốn lưu động	=	Doanh thu thuần
		Vốn lưu động bình quân

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



5.2. Thời gian của một vòng quay vốn lưu động:

Thời gian của một vòng quay vốn lưu động	=	Số ngày làm việc trong kỳ
		Số vòng quay vốn lưu động

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



5.3. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động	=	Lợi nhuận ròng	x 100%
		Vốn lưu động bình quân	

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



5.4. Mức đảm nhiệm của vốn lưu động.

Mức đảm nhiệm của vốn lưu động	=	Vốn lưu động bình quân
		Doanh thu thuần

CHƯƠNG 7
QuẢN TRỊ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP



6. Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động:

6.1. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong sản xuất

6.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong lưu thông

